TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH H** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 6 - 2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hóa
Ông Nguyễn Thành
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh H.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-ST ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V - sinh năm 1983
Địa chỉ: thôn 2, xã S, huyện D, tỉnh H.
Có mặt tại phiên tòa.
- *Bị đơn*: Anh Võ Kim H - sinh năm 1979
Địa chỉ: thôn 2, xã S, huyện D, tỉnh H.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị V trình bày: chị và Anh Võ Kim H tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã S – huyện D vào năm 2006. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, có những lời nói, hành động làm tổn thương đến nhau, không có sự tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với chị trong cuộc sống. Năm 2013, chị có khởi kiện ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân huyện D, sau đó chị rút đơn để tạo cho nhau cơ hội, nhưng vẫn không thể nào hòa hợp, gia đình không hạnh phúc. Tình cảm giữa chị và anh H đã không còn, nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay. Chị yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Võ Kim H.

Về con chung: có 02 con chung là Võ Hoàng Minh Q - sinh ngày 05/9/2006 và Võ N - sinh ngày 28/10/2008. Chị V xin được trực tiếp chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V xác định giữa chị và anh H không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023 bị đơn aAnh Võ Kim H trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị V về thời gian sống chung và kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị V xin ly hôn, anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị V. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: có 02 con chung là Võ Hoàng Minh Q - sinh ngày 05/9/2006 và Võ N - sinh ngày 28/10/2008. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng giao 02 con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh xác định giữa anh và chị V không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H; về con chung: chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023, bị đơn Anh Võ Kim H có đề nghị xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D – tỉnh H phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị V xin ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cháu Q và N cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị V và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Chị V và anh H đều xác định không có, nên không xem xét; về án phí: Chị V phải chịu tiền án phí HNGĐ/ST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Võ Kim H có đề nghị xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Kim H.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị V, anh Võ Kim H tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã S – huyện D và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2006 ngày 11/8/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do cả hai luôn bất đồng về quan điểm sống, có những lời nói, hành động làm tổn thương đến nhau, anh H không có sự tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với chị trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng cãi vã, gia đình không hạnh phúc. Năm 2013, chị và anh H đã làm đơn xin ly hôn, để tạo cơ hội cho nhau chị đã rút đơn,

nhưng vẫn không thể chung sống được với nhau. Anh H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi vã nên anh có những lời nói, xúc phạm đến chị Vân, dẫn đến cả hai không có sự tôn trọng nhau. Do còn tình cảm với chị Vân, nên anh không đồng ý ly hôn. Tại các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, chị V đều xác định không còn tình cảm với anh H. Chị V xác định không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2022 đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2023 tại Ủy ban nhân dân xã S (bút lục số 28) thể hiện: vợ chồng chị V và anh H có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tài chính gia đình. Hôn nhân xuất phát từ tình yêu thương tự nguyện, tiến bộ, cùng nhau thông cảm, chia sẻ, tin tưởng nhau trong cuộc sống, không xúc phạm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3]. *Về con chung:* Chị V và anh H có 02 con chung là Võ Hoàng Minh Q - sinh ngày 05/9/2006 và Võ N - sinh ngày 28/10/2008. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và các con chung đều có nguyện vọng được ở với chị V. Anh H đồng ý giao 02 con chung cho chị V trực tiếp giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung nên cần để chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung là phù hợp với pháp luật. Chị V không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung*: Chị V và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: Chị V và anh H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị V nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Võ Kim H.

[2]. *Về con chung:* Giao 02 con chung là Võ Hoàng Minh Q - sinh ngày 05/9/2006 và Võ N - sinh ngày 28/10/2008 cho Chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*).

Chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị V và anh H đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung*: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: không có.

[5]. *Về án phí:* bà Nguyễn Thị V nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012491 ngày 13/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D – tỉnh H; Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Ủy ban nhân xã S (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Vũ Thị Kim Vinh